

Chương V: Phạm vi cung cấp

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc quy định tại Mẫu số 00, Chương IV - biểu mẫu dự thầu Phạm vi cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan (nếu có)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các thuốc cần cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục thuốc với số lượng và các thông tin cụ thể theo các Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc và được nêu tại Mẫu số 00 - Biểu mẫu dự thầu Chương IV.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

Tên gói thầu: Gói thầu 01: Mua thuốc bổ trợ, thuốc tân dược luân lưu cơ sở sẵn sàng chiến đấu.

Thuộc Dự toán và Kế hoạch: Mua thuốc bổ trợ, thuốc tân dược luân lưu cơ sở sẵn sàng chiến đấu; văn phòng phẩm và in ấn các loại sổ nghiệp vụ quân y

Nội dung gói thầu: Mua thuốc bổ trợ, thuốc tân dược luân lưu cơ sở sẵn sàng chiến đấu

Giá gói thầu: 933.061.424 đồng

Địa điểm thực hiện: Quân đoàn 34/Bộ Quốc phòng– Địa chỉ: 273 Lê Duẩn, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

Hình thức lựa chọn: nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi

Loại hợp đồng: Trọn gói

Tùy chọn mua thêm: 30%

Nguồn vốn: Kinh phí nghiệp vụ ngành quân y năm 2026

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

Yêu cầu về thuốc (bao gồm: Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Đơn vị tính và nhóm thuốc theo Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc. Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.

- Cam kết hàng hóa chính hãng, mới 100%.
- Cam kết có mặt xử lý sự cố trong vòng 24 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư.
- Cam kết hàng hóa bảo đảm chất lượng theo Quy chuẩn thuốc do Bộ Y tế ban hành.
- Cung cấp Bảng Đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu: mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V của E-HSMT.
- Nhà thầu đóng gói thuốc đúng yêu cầu của nhà sản xuất, phù hợp với phương tiện vận chuyển để chuyển hàng từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao, chịu trách nhiệm vận chuyển, bàn giao hàng hóa đến: 273 Lê Duẩn, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc được chuyển đến nơi giao hàng không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường.

2.3. Dự thầu giá trị gói thầu:

Gói thầu là gói thầu mua sắm thuốc qua mạng đấu thầu Quốc gia, do gói thầu là chỉ có 1 lô gồm nhiều mặt hàng thuốc, nên yêu cầu nhà thầu khi dự thầu trên mạng, nhà thầu dự thầu ở biểu đơn giá, sẽ dự giá tổng của lô hàng.

Nhà thầu điền đầy đủ bảng giá dự thầu theo nội dung biểu số 05 đính bản scan, nhà thầu scan gửi cùng E-HSDT theo yêu cầu tại **CDNT 11.8 và CDNT 5.3 Chương II. Bảng dữ liệu**

2.5. Yêu cầu về kỹ thuật khác

- Tất cả các mặt hàng tham dự thầu, nhà thầu phải có cam kết đảm bảo chất lượng. (ghi chú: có ký mã hiệu (nếu có), nhãn mác sản phẩm (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ theo đúng đề xuất trong E-HSDT.
- Cam kết về đơn giá chào thầu các mặt hàng thuốc không vượt quá giá kế hoạch.
- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do nhà thầu.

- Cam kết trong quá trình đánh giá E-HSDT Chủ đầu tư có quyền kiểm tra hàng hóa do Nhà thầu chào thầu để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu của từng loại hàng hóa được nêu tại E-HSMT.

Lô thuốc của gói thầu gồm các mặt hàng thuốc sau:

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIỀN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
1	GN1	Natri clorid	0,9%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	5.000	8.500	VTY T	30	Theo CDNT 18.2- Chương II: Bảng dữ liệu nhà thầu
2	GN2	Gentamicin base (Gentamicin sulfat)	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	5.000	3.000	4	30	
3	GN3	Vitamin A (Retinol palmitat) 500IU; Vitamin D3 (Cholecalciferol) 100IU; Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) 2,5mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 2mg; Vitamin PP (Nicotinamid) 8mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 2mg; Vitamin B12	500IU; 100IU; 2,5mg; 2mg; 8mg; 2mg; 5,2µg (mcg); 15mg; 8mg; 5mg; 30mg	Uống	Viên nang	Viên	20.000	2.230	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		(Cyanocobalamin) 5,2 µg (mcg); Sắt (II) sulfat 15mg; Calci glycerophosphat 8mg; Magnesi gluconat 5mg; Lysin HCl 30mg									
4	GN4	Cao đặc rễ Đinh lăng (Extractum Radicis Polyscias spissum) (tương đương 3 g rễ Đinh lăng (Radix Polysciacis)) 300mg; Cao khô lá Bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccum) (tương đương không dưới 24% ginkgo flavonoid toàn phần) 100mg	300mg; 100mg	Uống	Viên nang	Viên	20.000	3.000	ĐY3	30	
5	GN5	Rutin; Cyanocobalamin; Thiamin nitrat; Sắt fumarat; D-alpha-	20mg; 6mcg; 2mg, 54,76; mg;	Uống	Viên nang	Viên	20.000	4.500	1	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		tocopherol; Bột (rễ) ginseng; Acid ascorbic; Kali sulfat; Đồng gluconat; Mangan sulphat monohydrat ; Riboflavin; Calci pantothenat; Nicotinamid; Pyridoxin hydroclorid; Calci carbonat; Kẽm sulphat monohydrate; Vitamin A; Cholecalciferol	30,2mg; 40mg; 60mg; 17,83mg; 14,29mg; 3,08mg; 2mg; 13,75mg; 20mg; 2mg; 225mg; 10,98mg; 2,775mg; 5mg; 10mcg; 400 mcg								
6	GN6	Phospholipid đậu nành 600mg	600mg	Uống	Viên nang	Viên	9.000	11.000	5	30	
7	GN7	Vitamin C	1000mg	Uống	Viên sủi	Viên	10.000	3.700	1	30	
8	GN8	Vitamin A; Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin B12; Vitamin C; Vitamin D3; Vitamin E; Nicotinamide; D-	5000IU; 5mg; 5mg; 2mg; 5mcg; 75mg; 400IU; 15mg;	Uống	Viên nang	Viên	1.000	2.500	TPB VSK	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Panthenol; Folic Acid; Ferrous fumarate; Dibasic calcium phosphate hydrate; Copper; Manganese; Zinc sulfate; Potassium iodide; Magnesium oxide	45mg; 5mg; 1000mcg; 50mg; 70mg; 0,1mg; 0,01mg; 50mg; 0,025mg; 0,5mg								
9	GN9	Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin B12; Vitamin B3; Vitamin B5; Vitamin B8; Vitamin B9; Vitamin C; Calci; Magie; Kẽm	15mg; 15mg; 10mg; 0,01mg; 0,15mg; 0,4mg; 23mg; 50mg; 500mg; 100mg; 100mg; 10mg	Uống	Viên sủi	Viên	10.000	7.500	1	30	
10	GN10	Magnesi 77,5mg; Vitamin C 80mg; Nhân Sâm 40mg; Kẽm 10mg; Sắt 8,3mg; Vitamin E	77,5mg; 80mg; 40mg; 10mg; 8,3mg;	Uống	Viên	Viên	15.000	7.500	TPB VSK	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		12mg; Niacin 1,5mg; Vitamin B5 6,3mg; Mangan 2mg; Vitamin B6 2,8mg; Vitamin B1 2,1mg; Đồng 1mg; Vitamin B2 2,2mg; Vitamin A 640mcg; Folic Acid 300mcg; Selen 55mcg; Biotin 38mcg; Vitamin D3 6mcg; Vitamin B12 3mcg	12mg; 1,5mg; 6,3mg; 2mg; 2,8mg; 2,1mg; 1mg; 2,2mg; 640mcg; 300mcg; Selen 55mcg; Biotin 38mcg; Vitamin D3 6mcg; Vitamin B12 3mcg								
11	GN11	Gingko biloba extract	40mg	Uống	Viên	Viên	5.000	4.900	1	30	
12	GN12	Glucosamine sulfate kết tinh 314mg (tương đương với Glucosamine sulfate 250mg (bao gồm glucosamine 196mg	250mg	Uống	Viên nang	Viên	7.000	3.704	1	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		và sodium chloride 64mg)									
13	GN13	Cholin bitartrat; Natri chondroitin sulphat; Retinol palmitat; Riboflavin; Thiamin hydroclorid	25mg; 100mg; 2.500IU; 5mg; 20mg	Uống	Viên nang	Viên	20.000	2.000	4	30	
14	GN14	Vitamin C + Vitamin B1 + Riboflavin + Niacinamide + Pyridoxine hydrochloride + Calcium pantothenate + Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	500mg + 50mg + 20mg + 50mg + 5mg + 20mg + 5mcg	Uống	Viên	Viên	30.000	2.000	1	30	
15	GN15	Cao đặc rễ Đinh lăng 5:1 (Extractum Radix Polysciacis spissum); Cao khô lá Bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccus) (Hàm lượng Flavonoid toàn phần $\geq 24\%$)	150mg; 5mg	Uống	Viên	Viên	6.000	1.200	ĐY1	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
16	GN16	Acid ascorbic; Acid folic; Calci pantothenat; Cyanocobalamin; Ergocalciferol; Nicotinamid; Pyridoxin hydrochlorid; Retinol palmitat; Riboflavin; Tocopherol acetat; Thiamin hydroclorid	75mg; 100µg (mcg); 10mg; 5µg (mcg); 400IU; 20mg; 2mg; 4000IU; 2mg; 15mg; 2mg	Uống	Viên nang	Viên	15.000	2.200	4	30	
17	GN17	Gliclazide	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	10.000	3.700	BDG	30	
18	GN18	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	14mg + 300mg + 300mg	Uống	Viên nang	Viên	9.000	3.700	BDG	30	
19	GN19	Cao khô lá bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccus) (tương đương với 9,6mg flavonol glycosides)	40 mg	Uống	Viên nang	Viên	1.000	1.200	4	30	
20	GN20	Hải sâm (Holothuria vagabunda)	200mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000	4.200	ĐY3	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
21	GN21	Mỗi viên nang cứng chứa: Bột Đương quy 195mg (tương đương: Đương quy 243mg), bột Xuyên khung 100mg (tương đương: Xuyên khung 120mg), cao khô hỗn hợp dược liệu 205mg (tương đương với Sinh địa 243mg; Đào nhân 324mg; Ngưu tất 243mg; Xích thược 162mg; Cam thảo 81mg; Sài hồ 81mg; Hồng hoa 243mg; Chi xác 162mg; Cát cánh 120mg)	243mg; 120mg; 243mg; 324mg; 243mg; 162mg; 81mg; 81mg; 243mg; 162mg; 120mg	Uống	Viên nang	Viên	1.000	5.000	ĐY3	30	
22	GN22	Cao khô Actisô EP (Extractum Cynarae siccus); Cao khô Rau đắng đất 8:1 (Extractum Herba Glini oppositifolii siccus); Cao khô	170mg; 128mg; 13,6mg	Uống	Viên nang	Viên	2.160	2.300	ĐY1	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Bìm bìm (Extractum Semen Pharbitidis siccus) (Hàm lượng acid chlorogenic $\geq$ 0,8%)									
23	GN23	Cao khô dược liệu (tương đương với: Đương quy 1500mg; Ích mẫu 1500mg; Ngưu tất 1500mg; Thục địa 1500mg; Xích thược 750mg; Xuyên khung 750mg) 672mg	(1500mg; 1500mg; 1500mg; 1500mg; 750mg; 750mg); 672mg	Uống	Viên	Viên	1.440	3.955	4	30	
24	GN24	Tranexamic acid	50mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	98	15.000	2	30	
25	GN25	Adrenalin	1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	38	3.800	4	30	
26	GN26	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted)	500mg	Uống	Viên nang	Viên	456	500	4	30	
27	GN27	Atropin sulphat	0,25mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	74	800	4	30	
28	GN28	Mỗi ống 5ml chứa: Calci clorid dihydrat (dưới dạng Calci	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	32	1.500	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		clorid hexahydrat) 500mg									
29	GN29	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri)	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	364	14.000	4	30	
30	GN30	Ciprofloxacin	200mg/100 ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai	60	20.000	4	30	
31	GN31	Theophylin-ethylendiamin	240mg	Tiêm	thuốc tiêm	Ống	128	17.500	1	30	
32	GN32	Furosemid	20mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	12	2.500	4	30	
33	GN33	Gentamicin (dưới dạng gentamicin sulfat)	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	70	2.400	4	30	
34	GN34	Dextrose	20%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	444	16.000	4	30	
35	GN35	Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat)	30%/5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Ống	1.020	1.400	4	30	
36	GN36	Dextrose	5%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	242	11.000	4	30	
37	GN37	Kali clorid	1g/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	120	3.200	4	30	
38	GN38	Lidocain hydroclorid	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	560	800	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
39	GN39	Magnesi sulfat	1,5g/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	60	3.500	4	30	
40	GN40	D-Mannitol	20% /250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	31	22.000	4	30	
41	GN41	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat)	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	74	22.000	4	30	
42	GN42	Metronidazol	500mg/100 ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	80	15.000	4	30	
43	GN43	Sulfadiazine Bạc U.S.P	1% tl/tl	Dùng ngoài	Thuốc dung ngoài	Tuýp	2	12.000	5	30	
44	GN44	Natri clorid	0,9g/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	36	11.000	4	30	
45	GN45	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	1mg /1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	20	28.000	4	30	
46	GN46	Procain hydroclorid		Tiêm	Dung dịch tiêm Thuốc tiêm	Ống	552	1.012	4	30	
47	GN47	Nước cất pha tiêm	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	2.380	1.200	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
48	GN48	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	0,52g + 0,3g + 0,58g + 2,7g	uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	80	2.500	4	30	
49	GN49	Paracetamol	1g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ	60	50.000	4	30	
50	GN50	Povidon iod	10g/100ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	38	18.000	4	30	
51	GN51	Mỗi 500ml chứa: Calci clorid. 2H ₂ O 0,135g; Kali clorid 0,2g; Natri clorid 3g; Natri lactat 1,6g	0,135g; 0,2g; 3g; 1,6g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	42	11.000	4	30	

- Bắt kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong Bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu.

- Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của hàng hóa thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng

Mục 4. Kiểm tra và thử nghiệm: Không

Nhà thầu có cam kết là sẽ chấp nhận các kiểm tra và thử nghiệm của chủ đầu tư, nếu hàng hóa không đúng nội dung, hoặc chất lượng kém, hoặc đã hết hạn sử dụng, sẽ thay đổi hàng cho chủ đầu tư

